

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST

Ngày 24-3-2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TU, TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Thức; Ông Nguyễn Nam Giang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Giang Tiến Hiệp -Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TU, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TU, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Tẩn Thị M, sinh năm 2002; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: bản H, thị trấn TU, huyện TU, tỉnh Lai Châu. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lý Văn S, sinh năm 1998; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Bản H, thị trấn TU, huyện TU, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” cùng các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Tẩn Thị M trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lý Văn S về chung sống với nhau từ năm 2015 nhưng đến ngày 09/3/2020 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn TU, huyện TU, tỉnh Lai Châu. Việc kết hôn giữa chị và anh S hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Năm 2021 vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã. Nhiều lần chị và anh S được gia đình hai bên hòa giải, động viên nhưng vẫn không H được. Đến đầu năm 2022 hai vợ chồng sống ly thân, thi thoảng gọi điện nhưng vẫn cãi nhau qua điện thoại. Đến nay, chị xét thấy không còn tình cảm và không còn yêu thương anh S, cuộc sống

chung của vợ chồng không hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S.

2. Về con chung: Chị và anh Lý Văn S có 01 con chung là Lý A Lợi Th, sinh ngày 09/3/2019. Hiện nay con chung đang ở cùng chị M và ông bà ngoại (bố mẹ chị M) tại bản H, thị trấn TU. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi trưởng thành. Mặc dù hiện nay chị đang đi làm thuê tại Hà Nội nhưng chị thường xuyên về thăm con và gửi tiền để bố mẹ chị nuôi dưỡng con của chị và chị không yêu cầu anh S phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai anh Lý Văn S trình bày: Anh xác nhận về quan hệ hôn nhân như chị M trình bày là đúng, lý do đến ngày 09/3/2020 mới đi đăng ký kết hôn vì đến thời điểm đó chị M mới đủ tuổi đăng ký. Việc kết hôn giữa anh chị là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Anh và chị M sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay do cả hai đi làm ăn xa. Chị M đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh thì anh không nhất trí vì anh vẫn còn yêu thương chị M, do chị M đi làm ăn xa, đã ngoại tình, chung sống với người khác như vợ chồng, anh đã tha thứ cho chị M, mong muốn tiếp tục chung sống cùng nhau để nuôi dạy con. Khi chung sống cùng nhau, có lúc cãi nhau, bản thân anh không kìm chế được nên đã có ba đến bốn lần tát chị M.

Về con chung: Anh xác nhận anh và chị M có 01 con chung như chị M trình bày. Nếu phải ly hôn anh cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con cho đến khi con trưởng thành và không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, do anh và chị M đều đi làm thuê xa nhà nên bố mẹ đẻ chị M (ông bà ngoại của cháu) trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, thì thoảng một đến hai tháng anh về thăm con một lần. Từ khi về chung sống với chị M anh ở rể nên ở cùng bố mẹ chị M, chưa có nhà riêng. Hiện anh đi làm thuê (thợ điện nước) tại thành phố Hà Nội, thu nhập bình quân 10 triệu đồng/01 tháng.

Về chia tài sản: Anh và chị M không có tài sản chung, không có nợ chung, không có cho vay chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ngày 03/02/2023 chị Tẩn Thị M gửi đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải với lý do bản thân không còn tình cảm gì với anh S và tại buổi tiếp cận công khai chứng cứ anh Lý Văn S vắng mặt không có lý do.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TU, tỉnh Lai Châu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền thụ lý vụ án; thụ lý đơn

yêu cầu ly hôn; việc xác định quan hệ tranh chấp và tư cách của đương sự trong vụ án; việc ra và gửi thông báo thụ lý cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử cùng hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt và đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, 35, 39, Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 58 và các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Tẩn Thị M và xem xét quyết định:

Về quan hệ hôn nhân chị M được ly hôn với anh S; về con chung: Giao con chung là Lý A Lợi Th, sinh ngày 09/3/2019 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Do chị M không yêu cầu anh S phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét; Về chia tài sản chung: Chị M, anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét; Về án phí: Nguyên đơn chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình, anh Lý Văn S có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại bản H, thị trấn TU, huyện TU, tỉnh Lai Châu. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TU, tỉnh Lai Châu. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Lý Văn S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ một số các văn bản tố tụng nhưng cố tình vắng mặt không có lý do. Chị M có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên căn cứ khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được và ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tại phiên tòa hôm nay, anh S vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Lý Văn S là phù hợp theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tẩn Thị M và anh Lý Văn S về chung sống với nhau từ năm 2015 nhưng đến ngày 09/3/2020 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn TU, huyện TU, tỉnh Lai Châu. Việc kết hôn giữa chị M và anh S hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh S là hợp pháp.

Quá trình chung sống chị M và anh S hạnh phúc được 06 năm, sau đó phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, không hạnh phúc, chị M không còn yêu thương anh S. Anh S không nhất trí ly hôn và cho rằng chị M đã ngoại tình nhưng không có tài liệu chứng cứ nào để chứng minh, anh vẫn còn yêu thương vợ, mong muốn được tiếp tục chung sống với nhau. Xét thấy, từ đầu năm 2022 chị M và anh S không còn chung sống cùng nhau, đã ly thân và mỗi người đi tìm công việc làm ăn xa, khi xảy ra mâu thuẫn cũng đã được gia đình hai bên động viên, hòa giải; thi thoảng có điện thoại cho nhau nhưng cũng không tìm được tiếng nói chung và không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Cả hai vợ chồng không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng chia sẻ với nhau. Hơn nữa, chị M không còn tình cảm yêu thương, không còn hạnh phúc khi chung sống với anh S. Mâu thuẫn giữa chị M và anh S kéo dài. Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân giữa chị M và anh S đã thực sự lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện của chị M đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S là hoàn toàn có căn cứ theo quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: con chung Lý A Lợi Th đang ở cùng chị M và ông bà ngoại (bố mẹ đẻ chị M). Chị M và anh S đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy cháu Th tính đến thời điểm xét xử mới được hơn 4 tuổi, còn rất nhỏ. Theo biên bản xác minh của Tòa án hiện nay cháu đang ở với ông bà ngoại tại bản H, thị trấn TU và từ khi anh S và chị M về chung sống với nhau thì đều ở cùng với bố mẹ chị M. Hiện anh S và chị M đều đi làm tại Hà Nội nhưng chị M thường xuyên về nhà bố mẹ đẻ để thăm nom, chăm sóc con còn anh S từ đầu năm 2022 đã về nhà bố mẹ đẻ để ở và cũng đi làm thuê tại Hà Nội, thi thoảng mới về thăm con. Vì vậy, để thuận tiện cho việc chăm sóc, không thay đổi môi trường sống và học tập của cháu Th nên xét thấy cần thiết giao con cho chị M là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị M không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về chia tài sản chung: Chị M và anh S đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Tẩn Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan điểm giải quyết vụ án của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TU tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, , khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Tân Thị M được ly hôn với anh Lý Văn S.
2. Về con chung: Giao con chung Lý A Lợi Th, sinh ngày 09/3/2019 cho chị Tân Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh Lý Văn S có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Tân Thị M không yêu cầu anh Lý Văn S phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về chia tài sản chung: Chị Tân Thị M và anh Lý Văn S đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Tân Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị M đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2021/0001421 ngày 21/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TU, tỉnh Lai Châu nay chuyển thành án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết lên Tòa án nhân dân cấp trên.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện TU;
- Chi cục THADS huyện TU;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn TU ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Tuyết Thanh